

Số: 2936/TB-ĐHTV

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v lựa chọn học ngoại ngữ không chuyên và kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu vào đối với sinh viên các ngành đại học hệ chính quy tuyển sinh năm 2025

Căn cứ Quyết định số 1952/QĐ-ĐHTV ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh về việc ban hành quy định xét miễn và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập trong chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 6853/QĐ-ĐHTV ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh về việc ban hành Chương trình đào tạo Ngoại ngữ không chuyên (tự chọn) dành cho sinh viên trình độ Cao đẳng, Đại học – Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2023;

Căn cứ Kế hoạch thực hiện công tác tuyển sinh đại học và cao đẳng ngành Giáo dục mầm non năm 2025;

Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh thông báo **Tân sinh viên (SV)** các ngành đào tạo (*trừ ngành Ngôn ngữ Anh*), hệ chính quy năm 2025 khi đến Trường làm thủ tục nhập học, tiến hành lựa chọn **đăng ký học một** trong các ngoại ngữ không chuyên: **tiếng Anh hoặc tiếng Trung hoặc tiếng Pháp** để hoàn thành các học phần (HP) ngoại ngữ không chuyên (*gồm 04 HP - 13 tín chỉ*) được tổ chức giảng dạy ở các học kỳ khác nhau trong chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

I. ĐỐI VỚI SINH VIÊN CHỌN TIẾNG TRUNG HOẶC TIẾNG PHÁP LÀ MÔN NGOẠI NGỮ KHÔNG CHUYÊN

- SV trúng tuyển khi làm thủ tục nhập học, tiến hành chọn và đăng ký học một ngoại ngữ không chuyên là tiếng Trung hoặc tiếng Pháp thực hiện đăng ký trực tuyến tại địa chỉ <https://khaothi.tvu.edu.vn> => Đăng ký thi ngoại ngữ đầu vào => Điền thông tin => In Phiếu sau khi đã đăng ký trực tuyến thành công => Ký tên và nộp phiếu đăng ký tại phòng Đào tạo (*phòng A11.201*).

- Thời gian đăng ký:

+ **Đợt 1: Từ ngày 23/8/2025 đến 30/8/2025.**

+ **Đợt 2: Từ ngày 13/9/2025 đến 14/9/2025.**

- Số lớp tiếng Trung không chuyên: 03 lớp, mỗi lớp **30 SV**.

- Số lớp tiếng Pháp không chuyên: 03 lớp, mỗi lớp **30 SV**.

- Thời gian xếp lịch học: **Kể từ học kỳ II năm học 2025-2026** (học kỳ II của khóa học).

*** Lưu ý:**

- SV lựa chọn **tiếng Trung hoặc hoặc tiếng Pháp** không chuyên thì **không phải đăng ký** tham dự kỳ thi kiểm tra năng lực đầu vào và được xếp vào học tiếng Trung hoặc hoặc tiếng Pháp không chuyên 1.

- Trong trường hợp số lượng SV chọn tiếng Trung hoặc tiếng Pháp có số lượng **ít hơn 15 SV/lớp** (không đủ số lượng tổ chức lớp) thì sẽ được Nhà trường tư vấn chuyển sang ngoại ngữ không chuyên khác.

II. ĐỐI VỚI SINH VIÊN CHỌN TIẾNG ANH LÀ MÔN NGOẠI NGỮ KHÔNG CHUYÊN

1. Hình thức đăng ký:

- SV lựa chọn tiếng Anh là ngoại ngữ không chuyên khi làm thủ tục nhập học, thực hiện đăng ký trực tuyến tham dự kỳ thi kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu vào tại địa chỉ **<https://khaothi.tvu.edu.vn>**. Thời gian đăng ký:

+ **Đợt 1: Từ ngày 23/8/2025 đến 30/8/2025.**

+ **Đợt 2: Từ ngày 13/9/2025 đến 14/9/2025.**

- SV lưu ý lựa chọn **thời gian kiểm tra không trùng với lịch học** (SV xem thời khóa biểu trực tuyến theo địa chỉ **<https://ttsv.tvu.edu.vn>**).

2. Thời gian kiểm tra:

- Lịch kiểm tra tiếng Anh đầu vào theo lịch sinh viên đăng ký trực tuyến trên trang **<https://khaothi.tvu.edu.vn>** => “Đăng ký thi ngoại ngữ đầu vào” => Điền “**Mã số sinh viên**” (*được cấp khi làm thủ tục nhập học*) => Chọn buổi thi và ngày thi => Sinh viên ghi lại buổi và ngày thi đã chọn => Bấm “**Lưu**”. Mỗi sinh viên chỉ tham gia kiểm tra trong **01 buổi đã đăng ký**. Thời gian kiểm tra được tổ chức trong khoảng thời gian:

+ **Đợt 1: Từ ngày 08/9/2025 - 14/9/2025.**

+ **Đợt 2: Buổi tối, từ ngày 15/9/2025 - 19/9/2025.**

- SV theo dõi lịch kiểm tra cụ thể tại địa chỉ đã đăng ký.

3. Địa điểm tổ chức kiểm tra:

Tại khu I, Trường Đại học Trà Vinh dãy phòng **C7** (từ phòng **C71.204** đến **C71.206**) và dãy phòng **D7** (từ phòng **D71.103** đến **D71.114**).

4. Đối tượng tham dự kiểm tra:

Tất cả SV chọn học phần Anh văn không chuyên (AVKC) (*trừ các trường hợp được xét miễn học các học phần AVKC được nêu tại mục số 5*). Trường hợp SV **vắng thi kiểm tra** năng lực tiếng Anh đầu vào sẽ được xếp vào học lớp **AVKC 1**.

a. Lệ phí tham dự kiểm tra:

Mức thu **50.000 đồng/SV** (*Tân Sinh viên nộp lệ phí khi làm thủ tục nhập học*)

b. Hình thức kiểm tra: Tân sinh viên làm bài theo hình thức trắc nghiệm trên máy vi tính, thời gian làm bài **90 phút**.

c. Kết quả kiểm tra:

Kết quả của kỳ kiểm tra dùng làm cơ sở để xét duyệt **miễn học, miễn thi** các học phần AVKC tương ứng trong chương trình đào tạo, nếu SV có kết quả kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu vào:

- Đạt **dưới 50%** sẽ được xếp vào học lớp AVKC 1;
- Đạt từ **50% - 79%** sẽ được xếp vào học lớp AVKC 2;
- Đạt từ **80% - 100%** sẽ được xếp vào học lớp AVKC 3;

5. Đối tượng miễn kiểm tra:

- SV có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ được liệt kê trong Phụ lục 1 (tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung (*các chứng chỉ có thời hạn không quá 2 năm kể từ ngày cấp đến ngày đầu tiên của đợt kiểm tra*)) sẽ được miễn kiểm tra năng lực ngoại ngữ đầu vào và được phép đăng ký các học phần ngoại ngữ không chuyên ở cấp độ tương đương (*SV xem tại bảng Phụ lục 1 đính kèm*).

- SV có các chứng chỉ khác với chứng chỉ ngoại ngữ được quy định tại **Phụ lục 1**, sẽ do Hội đồng kiểm tra, đánh giá năng lực ngoại ngữ, Trường Đại học Trà Vinh xem xét, quyết định.

- SV có nhu cầu xin xét miễn kiểm tra (do đã có chứng chỉ) phải làm đơn (*mẫu đơn đính kèm*) và nộp kèm một bản sao hợp lệ một trong những chứng chỉ nêu trên tại **phòng Đào tạo (phòng A11.201)**. Thời hạn nộp:

+ **Đợt 1: Từ ngày 23/8/2025 đến 30/8/2025.**

+ **Đợt 2: 13/9/2025 đến 14/9/2025.**

- Công bố kết quả xét miễn học **ngày 19/9/2025** tại địa chỉ <https://daotao.tvu.edu.vn>.

Nhằm thực hiện tốt kế hoạch đề ra, đề nghị các khoa, viện, trường, trung tâm thuộc Trường Đại học Trà Vinh, cố vấn học tập và tất cả SV chính quy khóa 2025 thực hiện theo đúng tinh thần thông báo này; mọi sự trễ hạn sẽ không được giải quyết./.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- BGH;
- Đơn vị thuộc Trường;
- Cố vấn học tập khóa 2025;
- Tân sinh viên chính quy khóa 2025;
- Website: Trường, phòng Đào tạo, Cổng TTSTV;
- Lưu VT, ĐT.

Phan Quốc Nghĩa

PHỤ LỤC 1

1. Xét miễn học các học phần tiếng Anh không chuyên (AVKC) dành cho các khối ngành đào tạo không chuyên ngữ

Sinh viên có một trong các chứng chỉ và số điểm đánh giá tương ứng dưới đây được xét miễn các học phần AVKC

Các loại chứng chỉ	Chứng chỉ	Bậc/điểm đánh giá tương đương	AVKC 1	AVKC 2	AVKC 3	AVKC 4	Học phần (HP) AVKC được miễn
			3TC	4TC	3TC	3TC	
Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế	CEFR (Common European Framework of Reference)	KET: 85-100 (A2)	x	x			- Miễn kì kiểm tra tiếng Anh đầu vào - Miễn HP AVKC 1, 2 - Đủ điều kiện đăng ký HP AVKC 3
		PET: 70-100 (B1) FCE: 60-100 (C1-C2)	x	x	x	x	- Miễn kì kiểm tra tiếng Anh đầu vào - Miễn HP AVKC 1, 2, 3, 4
	IELTS (International English Language Testing System)	Đạt từ 3.0-4.0	x	x			- Miễn kì kiểm tra tiếng Anh đầu vào - Miễn HP AVKC 1, 2 - Đủ điều kiện đăng ký HP AVKC 3
		Đạt từ 4.5 trở lên	x	x	x	x	- Miễn kì kiểm tra tiếng Anh đầu vào - Miễn HP AVKC 1, 2, 3, 4
	TOEFL (iBT) (Test of English as a Foreign Language) (Internet-Based Test)	Đạt từ 30-40	x	x			- Miễn kì kiểm tra tiếng Anh đầu vào - Miễn HP AVKC 1, 2 - Đủ điều kiện đăng ký HP AVKC 3
		Đạt từ 41 trở lên	x	x	x	x	- Miễn kì kiểm tra tiếng Anh đầu vào - Miễn HP AVKC 1, 2, 3, 4
	TOEFL (CBT) (Test of English as a Foreign Language) (Computer-Based Test)	Đạt từ 93-120	x	x			- Miễn kì kiểm tra tiếng Anh đầu vào - Miễn HP AVKC 1, 2 - Đủ điều kiện đăng ký HP AVKC 3
		Đạt từ 121 trở lên	x	x	x	x	- Miễn kì kiểm tra tiếng Anh đầu vào - Miễn HP AVKC 1, 2, 3, 4

Các loại chứng chỉ	Chứng chỉ	Bậc/điểm đánh giá tương đương	AVKC 1	AVKC 2	AVKC 3	AVKC 4	Học phần (HP) AVKC được miễn
			3TC	4TC	3TC	3TC	
Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế	TOEFL (PBT) (Test of English as a Foreign Language) (Paper-Based Test)	Đạt từ 397-433	x	x			- Miễn kì kiểm tra tiếng Anh đầu vào - Miễn HP AVKC 1, 2 - Đủ điều kiện đăng ký HP AVKC 3
		Đạt từ 434 trở lên	x	x	x	x	- Miễn kì kiểm tra tiếng Anh đầu vào - Miễn HP AVKC 1, 2, 3, 4
	TOEIC (Test of English for International Communication)	Đạt từ 350-400	x	x			- Miễn kì kiểm tra tiếng Anh đầu vào - Miễn HP AVKC 1, 2 - Đủ điều kiện đăng ký HP AVKC 3
		Đạt từ 410 trở lên	x	x	x	x	- Miễn kì kiểm tra tiếng Anh đầu vào - Miễn HP AVKC 1, 2, 3, 4
	APTIS (British Council)	Bậc 2	x	x			- Miễn kì kiểm tra tiếng Anh đầu vào - Miễn HP AVKC 1, 2 - Đủ điều kiện đăng ký HP AVKC 3
		Bậc 3	x	x	x	x	- Miễn kì kiểm tra tiếng Anh đầu vào - Miễn HP AVKC 1, 2, 3, 4
Chứng chỉ tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho VN	VSTEP (Vietnamese Standardized Test of English Proficiency)	Bậc 2	x	x			- Miễn kì kiểm tra tiếng Anh đầu vào - Miễn HP AVKC 1, 2 - Đủ điều kiện đăng ký HP AVKC 3
		Bậc 3	x	x	x	x	- Miễn kì kiểm tra tiếng Anh đầu vào - Miễn HP AVKC 1, 2, 3, 4

Ghi chú: Dấu x được miễn kiểm tra, miễn học, miễn thi các học phần Anh văn không chuyên tương ứng.

2. Xét miễn học tiếng Hoa không chuyên, tiếng Pháp không chuyên, tiếng Hàn không chuyên dành cho các khối ngành đào tạo không chuyên ngữ

STT	Ngoại ngữ	Chứng chỉ	Nơi cấp	Xét miễn
1	Tiếng Hoa	Chứng chỉ Năng lực Hán ngữ (HSK)	Bộ Giáo dục Trung Quốc	Đạt cấp độ 2: miễn Tiếng Hoa không chuyên 1, 2
		Chứng chỉ Năng lực Hoa ngữ (TOCFL)	Bộ Giáo dục Đài Loan	Đạt cấp độ 3: miễn Tiếng Hoa không chuyên 1, 2, 3, 4
2	Tiếng Pháp	Chứng chỉ năng lực tiếng Pháp (DELF)	Bộ Giáo dục quốc gia Pháp	Đạt bậc A2: miễn Tiếng Pháp không chuyên 1, 2
				Đạt bậc B1: miễn Tiếng Pháp không chuyên 1, 2, 3, 4
3	Tiếng Hàn	TOPIK	Viện giáo dục quốc tế Quốc gia Hàn Quốc cấp	Đạt TOPIK 2: miễn Tiếng Hàn không chuyên 1, 2
				Đạt TOPIK 3: miễn Tiếng Hàn không chuyên 1, 2, 3, 4
		KLAT	Cục Nghiên cứu Giáo dục Hàn Quốc cấp	Đạt KLAT 2: miễn Tiếng Hàn không chuyên 1, 2
				Đạt KLAT 3: miễn Tiếng Hàn không chuyên 1, 2, 3, 4
		KSI	Học viện King Sejong địa phương trong hệ thống Học viện King Sejong (Hàn Quốc) (*)	Sơ cấp 2B: miễn Tiếng Hàn không chuyên 1, 2
				Trung cấp 1B: miễn Tiếng Hàn không chuyên 1, 2, 3, 4

(*) Nguồn tham khảo quy đối tương đương và lộ trình học tiếng Hàn KSI: *Sổ tay hướng dẫn vận hành Học viện King Sejong, Quỹ Học viện King Sejong – Hàn Quốc (2018: 29)*

3. Xét miễn Ngoại ngữ 2 cơ bản trong chương trình đào tạo ngành đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh

STT	Ngoại ngữ	Chứng chỉ	Nơi cấp	Xét miễn
1	Tiếng Hoa	Chứng chỉ Năng lực Hán ngữ (HSK)	Bộ Giáo dục Trung Quốc	Đạt cấp độ 2: miễn Tiếng Hoa cơ bản 1, 2
		Chứng chỉ Năng lực Hoa ngữ (TOCFL)	Bộ Giáo dục Đài Loan	Đạt cấp độ 3: miễn Tiếng Hoa cơ bản 1, 2, 3, 4
2	Tiếng Pháp	Chứng chỉ năng lực tiếng Pháp (DELF)	Bộ Giáo dục quốc gia Pháp	Đạt bậc A2: miễn Tiếng Pháp cơ bản 1, 2
				Đạt bậc B1 miễn Tiếng Pháp cơ bản 1, 2, 3, 4
3	Tiếng Hàn	TOPIK	Viện giáo dục quốc tế Quốc gia Hàn Quốc cấp	Đạt TOPIK 2: miễn Tiếng Hàn cơ bản 1, 2
				Đạt TOPIK 3: miễn Tiếng Hàn cơ bản 1, 2, 3, 4
		KLAT	Cục Nghiên cứu Giáo dục Hàn Quốc cấp	Đạt KLAT 2: miễn Tiếng Hàn cơ bản 1, 2
				Đạt KLAT 3: miễn Tiếng Hàn cơ bản 1, 2, 3, 4
		KSI	Học viện King Sejong địa phương trong hệ thống Học viện King Sejong (Hàn Quốc)	Đạt sơ cấp 2B: miễn Tiếng Hàn cơ bản 1, 2
				Đạt trung cấp 1B: miễn Tiếng Hàn cơ bản 1, 2, 3, 4

4. Xét miễn Ngoại ngữ 2 trong chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Trung Quốc

STT	Ngoại ngữ	Chứng chỉ	Nơi cấp	Xét miễn
1	Tiếng Pháp	Chứng chỉ năng lực tiếng Pháp (DELF)	Bộ Giáo dục quốc gia Pháp	Đạt bậc A2: miễn Tiếng Pháp cơ bản 1, 2
				Đạt bậc B1: miễn Tiếng Pháp cơ bản 1, 2, 3, 4

STT	Ngoại ngữ	Chứng chỉ	Nơi cấp	Xét miễn
2	Tiếng Hàn	TOPIK	Viện giáo dục quốc tế Quốc gia Hàn Quốc cấp	Đạt TOPIK 2: miễn Tiếng Hàn cơ bản 1, 2
				Đạt TOPIK 3: miễn Tiếng Hàn cơ bản 1, 2, 3, 4
		KLAT	Cục Nghiên cứu Giáo dục Hàn Quốc cấp	Đạt KLAT 2: miễn Tiếng Hàn cơ bản 1, 2
				Đạt KLAT 3: miễn Tiếng Hàn cơ bản 1, 2, 3, 4
		KSI	Học viện King Sejong địa phương trong hệ thống Học viện King Sejong (Hàn Quốc)	Đạt sơ cấp 2B: miễn Tiếng Hàn cơ bản 1, 2
				Đạt trung cấp 1B: miễn Tiếng Hàn cơ bản 1, 2, 3, 4
3	Tiếng Anh	Xét miễn học các học phần tiếng Anh theo khoản 1		

5. Các loại chứng chỉ dành cho xét miễn các học phần trong chương trình Ngôn Ngữ Trung Quốc

STT	Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Khung tham chiếu Châu Âu CEFR	Tiêu chuẩn năng lực Hán ngữ quốc tế	Chứng chỉ HSK/Chứng chỉ TOCFL	Học phần kĩ năng ngôn ngữ Trung Quốc được miễn
1	Bậc 3	B1	Cấp 3	HSK 3/TOCFL 3	- Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1 - Kĩ năng nghe nói 1 - Kĩ năng đọc viết 1
2	Bậc 4	B2	Cấp 4	HSK 4/TOCFL 4	- Ngữ pháp Hán ngữ hiện đại - Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1, 2 - Kĩ năng nghe nói 1, 2 - Kĩ năng đọc viết 1, 2
3	Bậc 5	C1	Cấp 5	HSK 5/TOCFL 5	- Ngữ pháp Hán ngữ hiện đại - Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1, 2, 3 - Kĩ năng nghe nói 1, 2, 3 - Kĩ năng đọc viết 1, 2, 3

*** Ghi chú:**

- Sinh viên có một trong các chứng chỉ (***có thời hạn không quá 2 năm kể từ ngày cấp đến ngày xét miễn***) tại phụ lục 1 nêu trên (tiếng Anh, tiếng Hàn, tiếng Pháp, tiếng Trung) sẽ được miễn kiểm tra và được phép đăng ký các học phần để học ở cấp độ tương đương. Riêng chứng nhận KSI là chứng nhận năng lực nên ***không có thời hạn***.
- Riêng sinh viên đạt chứng nhận **B1** for school theo QĐ số 883/QĐ-ĐHTV ngày 01/3/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tổ chức thi, cấp chứng nhận tiếng Anh A1, A2, B1, B2 theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam tại Trường Đại học Trà Vinh được miễn kì kiểm tra tiếng Anh đầu vào và miễn học các học phần AVKC 1, 2, 3, 4.
- Sinh viên có các chứng chỉ ngoại ngữ khác với các chứng chỉ ngoại ngữ được quy định tại Phụ lục 1, sẽ do Hội đồng đánh giá năng lực ngoại ngữ Nhà trường xem xét quyết định. Sinh viên làm đơn đề nghị xem xét và đính kèm 01 bản sao chứng chỉ gửi đến Đơn vị quản lí đào tạo thuộc Trường (sau đây được gọi chung là đơn vị quản lí đào tạo) để tổ chức việc xem xét miễn theo đúng quy định.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÉT MIỄN HỌC, MIỄN THI CÁC HỌC PHẦN
NGOẠI NGỮ KHÔNG CHUYÊN

Kính gửi: Hội đồng kiểm tra, đánh giá năng lực ngoại ngữ, Trường Đại học Trà Vinh

Tôi tên là:Mã số SV:

Lớp:Khóa:.....

Ngành:

Điện thoại liên hệ:

Nay tôi làm đơn này kính đề nghị Hội đồng kiểm tra, đánh giá năng lực ngoại ngữ, Trường Đại học Trà Vinh xem xét cho tôi được miễn học, miễn thi các học phần ngoại ngữ không chuyên do tôi có Chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định tại bảng Phụ lục 1, như sau:

- Tên chứng chỉ
- Nơi cấp chứng chỉ
- Ngày cấp chứng chỉ
- Các học phần xin miễn:

STT	Các học phần ngoại ngữ không chuyên	Đánh dấu ✓ vào các học phần ngoại ngữ không chuyên xin miễn			
		Học phần 1 3 tín chỉ	Học phần 2 4 tín chỉ	Học phần 3 3 tín chỉ	Học phần 4 3 tín chỉ
1	Tiếng Anh (13 tín chỉ)	☐	☐	☐	☐
2	Tiếng Trung (13 tín chỉ)	☐	☐	☐	☐
3	Tiếng Pháp (13 tín chỉ)	☐	☐	☐	☐

Vĩnh Long, ngày tháng năm 2025

SINH VIÊN

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Lưu ý: Sinh viên có các chứng chỉ nêu trên nộp đơn có đính kèm theo 01 bản sao hợp lệ gửi đến phòng Đào tạo trong thời gian làm thủ tục nhập học. Sinh viên lưu ý mang theo bản chính chứng chỉ để đối chiếu khi nộp đơn. Sinh viên phải ghi đúng và đầy đủ thông tin theo mẫu quy định, nếu ghi thiếu hoặc sai sót sẽ không giải quyết!